TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52 / 2019 / DS-ST
Ngày: 09 - 12 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Công Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Phẩm
2/ Ông Nguyễn Đinh Cường

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Mai Phụng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Tài- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21 / 2019 / TLST-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2019, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76 / 2019 / QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Phương D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1955 (Vắng mặt)

Chị Quan Hồng T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Phương D trình bày:

Ngày 03/7/2017 âm lịch (ngày 18/8/2017 dương lịch) chị D có cho bà Q, chị Quan Hồng T vay số tiền 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng) có làm

biên nhận, do chính tay chị D viết sau đó bà Q, chị T lăn tay, điểm chỉ vào biên nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng (Mỗi ngày bà Q, chị T trả lãi 200.000đồng) hứa đến ngày 18/9/2017 sẽ trả đủ tiền gốc và lãi.

Đến ngày 18/02/2019 bà Nguyễn Thị Q, chị Quan Hồng T tiếp tục vay chị Huỳnh Thị Phương D 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) hai bên không thỏa thuận trả lãi, thời gian trả nợ ngày 18/3/2019 sẽ trả đủ số tiền gốc.

Thực hiện theo thỏa thuận bà Q, chị T trả lãi được 02 tháng với số tiền 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng) sau đó ngừng trả tiền lãi, không trả tiền gốc cho chị D.

Chị Huỳnh Thị Phương D nhiều lần gặp bà Nguyễn Thị Q, chị Quan Hồng T để yêu cầu bà Q, chị T thực hiện việc trả nợ nhưng không có kết quả.

Nay chị Huỳnh Thị Phương D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Q, chị Quan Hồng T trả chị D số tiền vay gốc 335.000.000đồng (Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Yêu cầu bà Q, chị T trả chị D số tiền lãi đối với số tiền 330.000.000đồng với lãi suất 1,66%/ tháng từ ngày 18/10/2017 đến ngày 19/3/2019 là 17 tháng = 93.126.000đồng (chín mươi ba triệu một trăm hai mươi sáu ngàn đồng) và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo các tài liệu, chứng cứ và biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà Q có vay tiền chị Huỳnh Thị Phương D nhiều lần, không nhớ rõ cụ thể ngày, tháng, năm vay tiền. Đến năm 2016 bà Q có gặp chị D, hai bên tính lại số tiền vay thì phía bà Q thừa nhận có nợ chị D 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng), bà Q trả chị D 20.000.000đồng còn nợ lại 40.000.000đồng thỏa thuận mỗi ngày góp 200.000đồng, việc góp tiền và vay tiền không có giấy tờ gì chứng minh.

Bà Nguyễn Thị Q có xem qua giấy mượn tiền mà chị D cung cấp cho Tòa án, bà Q thừa nhận có vay chị D 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) dấu vân tay bà Q thừa nhận là của bà Q trong biên nhận 5.000.000đồng; còn phần tiền vay 330.000.000đồng bà Q không thừa nhận đã vay của chị D và không thừa nhận dấu vân tay do bà Q đã lăn dưới biên nhận 330.000.000đồng.

Chị Quan Hồng T trình bày:

Chị Thanh, bà Q có vay tiền chị Huỳnh Thị Phương D nhiều lần, không nhớ rõ cụ thể ngày, tháng, năm vay tiền. Đến năm 2016 chị T có gặp chị D, hai bên tính lại số tiền vay thì phía chị T thừa nhận có nợ chị D 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng), chị Thanh, bà Q trả chị D 20.000.000đồng còn nợ lại 40.000.000đồng thỏa thuận mỗi ngày góp 200.000đồng, việc góp tiền và vay tiền không có giấy tờ gì chứng minh.

Chị Quan Hồng T có xem qua giấy mượn tiền mà chị D cung cấp cho Tòa án, thừa nhận có vay chị D 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) dấu vân tay thừa nhận là của chị T trong biên nhận 5.000.000đồng; còn phần tiền vay 330.000.000đồng không thừa nhận đã vay của chị D và không thừa nhận dấu vân tay do chị T đã lăn dưới biên nhận 330.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương D thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất. Chị D yêu cầu bà Q, chị T trả chị D số tiền lãi đối với số tiền vay 330.000.000đồng với lãi suất 10% năm từ ngày 18/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn là 25 tháng = 68.750.000đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Những vấn đề khác chị D giữ nguyên yêu cầu.

Thống nhất chi phí giám định chữ ký là 3.000.000đồng.

Trình bày, phát biểu của Kiểm sát viên tại tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định.

Nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Phương D buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Q, chị Quan Hồng T trả tiền vay gốc và trả lãi theo quy định của bộ luật dân sự năn 2015

Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là "Hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp B, xã H, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại

phiên tòa ngày hôm nay Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng bà Nguyễn Thị Q, chị Quan Hồng T vắng mặt không lý do nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Q, chị T là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 của bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị Huỳnh Thị Phương D trình bày có cho bà Nguyễn Thị Q và chị Quan Hồng T vay tiền nhiều lần. Hiện nay bà Q, chị Hồng Thanh còn nợ số tiền vay như sau:

Ngày 18/8/2017 bà Nguyễn Thị Q, chị Quan Hồng T vay chị D số tiền 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng) có làm biên nhận, do chính tay chị D viết sau đó bà Q, chị T lăn tay, điểm chỉ vào biên nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng (Mỗi ngày bà Q, chị T trả lãi 200.000đồng) hứa đến ngày 18/9/2017 sẽ trả đủ tiền gốc và lãi.

Đến ngày 18/02/2019 bà Nguyễn Thị Q, chị Quan Hồng T tiếp tục vay chị Huỳnh Thị Phương D 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) hai bên không thỏa thuận trả lãi, có làm biên nhận, do chính tay chị D viết sau đó bà Q, chị T lăn tay, điểm chỉ vào biên nhận thời gian trả nợ ngày 18/3/2019.

Thực hiện theo thỏa thuận bà Q, chị T trả lãi được 02 tháng = 12.000.000đồng, sau đó ngưng trả lãi, không trả gốc cho đến nay.

Kèm theo yêu cầu khởi kiện chị D có cung cấp cho Tòa án "giấy mượn tiền" bản viết tay, mực xanh giấy tập học sinh trong đó thể hiện nội dung như nguyên đơn yêu cầu và trình bày phía dưới dòng chữ " Người mượn tiền" có dấu vân tay chị D cho rằng là của bà Nguyễn Thị Q và chị Quan Hồng T.

Xét, lời trình bày của chị D là có cơ sở chấp nhận bởi, chị Phương Dung đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh là giấy mượn tiền, tuy nhiên phía bị đơn chỉ thừa nhận vay chị D 5.000.000đồng, không thừa nhận khoản vay 330.000.000đồng và không có lăn tay phía dưới biên nhận đối với khoản vay này, chị D có đơn yêu cầu giảm định dấu vân tay. Tại kết luận giám định số: 556/KLGĐ- PC09, ngày 15/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận như sau:

-" Dấu vân tay bên phải phía trên dòng chữ Nguyễn Thị Q trên giấy mượn tiền với dấu vân tay trỏ phải in trên biên bản thu thập dấu vân tay của Nguyễn Thị Q, lập ngày 12/9/2019 là dấu vân tay cùng một người"

-" Dấu vân tay bên phải phía trên dòng chữ Quan Hồng T trên giấy mượn tiền với dấu vân tay trỏ phải in trên biên bản thu thập dấu vân tay của Quan Hồng T, lập ngày 12/9/2019 là dấu vân tay cùng một người"

-" Dấu vân tay bên trái phía trên dòng chữ Quan Hồng T tại nội dung mượn tiền ngày 12-1-2019 (Al) trong giấy mượn tiền với dấu vân tay trỏ trái in trên biên

bản thu thập dấu vân tay của Quan Hồng T, lập ngày 12/9/2019 là dấu vân tay cùng một người"

Từ những chứng cứ trên, việc vay tiền của bà Nguyễn Thị Q, chị Quan Hồng T xác lập với chị Huỳnh Thị Phương D là có thật và hiện nay bà Q, chị T còn nợ tiền vay của chị D là 335.000.000đồng là có cơ sở nên buộc bà Q, chị T trả chị D số tiền vay 335.000.000đồng là phù hợp với Điều 463,466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa chị Huỳnh Thị Phương D thay đổi yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 330.000.000đồng. Chị D yêu cầu bà Q, chị T trả lãi từ ngày 18/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/12/2019 làm tròn 25 tháng với mức lãi suất 10%/năm = 68.750.000đồng, xét yêu cầu chị D không vượt yêu cầu khởi kiện ban đầu, có cơ sở chấp nhận và phù hợp Điều 468 bộ luật dân sự 2015. Đối với số tiền vay 5.000.000đồng chị D không yêu cầu tính lãi.

Do việc giám định chứng minh được yêu cầu khởi kiện của chị D là có căn cứ nên buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Q, chị Quan Hồng T phải chịu chi phí giám định là 3.000.000đồng. Chị D đã nộp xong nên bà Q, chị T có nghĩa vụ hoàn trả chị D 3.000.000đồng là phù hợp Điều 161 luật tố tụng dân sự

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Q, chị Quan Hồng T nộp theo quy định khoản 1 Điều 12, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91;161 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 12, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Phương D.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Q, chị Quan Hồng T có trách nhiệm liên đới trả nguyên đơn số tiền vay gốc 335.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng) và 68.750.000đồng tiền lãi. Tổng công: 403.750.000đồng (Bốn trăm lẻ ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)

Chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị Q, chị Quan Hồng T có trách nhiệm liên đới hoàn trả chị Huỳnh Thị Phương D 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) chi phí giám định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Q nộp 10.075.000đồng (Mười triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng); chị Quan Hồng T nộp 10.075.000đồng (Mười triệu không trăm bảy mươi lăm đồng). Do bà Nguyễn Thị Q là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí, bà Q không phải chịu án phí.

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Phương D không phải chịu án phí nên hoàn trả chị D số tiền tạm ứng 10.562.000đồng (Mười triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn đồng) theo lai thu số 0006932 ngày 20/3/2019 mà chị D đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm đương sự có mặt báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- *TAT (01 bản);*
- *VKSND huyện MT(01 bản);*
- *Thi hành án dân sự huyện MT(01 bản);*
- *Các đương sự (02 bản).*
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo